

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 621/STNMT-CCBVMT ngày 10/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 354/BQLDA-DAI ngày 22/03/2023 của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 392/TTr-STNMT ngày 18/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát, huyện Tây Sơn, huyện Hoài Ân, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Ân và thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Ân Thạnh, TT. Tuy Phước, TT. Phú Phong, TT. Tăng Bạt Hổ, phường Tam Quan;
- Trung tâm Y tế các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Ân và thị xã Hoài Nhơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K15.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MỞ RỘNG, NÂNG CẤP 05 TRUNG TÂM Y TẾ
TUYẾN HUYỆN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát, huyện Tây Sơn, huyện Hoài Ân, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: 379 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

1.2.1. Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: diện tích 21.323,4 m², cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	7.871	37
2	Đất giao thông nội bộ	5.025	23,6
3	Đất cảnh quan, cây xanh	5.832	27,4
4	Đất phân mở rộng (dự phòng)	2.595,4	12,2
Tổng cộng		21.323,4	100

1.2.2. Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: diện tích 26.195 m², cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	10.254	39,1
2	Đất đường giao thông (sân bê tông)	8.083	30,9
3	Đất cây xanh cảnh quan	7.858	30,0
Tổng cộng		26.195	100

1.2.3. Trung tâm y tế huyện Tây Sơn: diện tích 29.842 m², cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	9.146	30,6
2	Đất giao thông	16.497	55,3
3	Đất cây xanh, cảnh quan	4.199	14,1
Tổng cộng		29.842	100

1.2.4. Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: diện tích phần hiện trạng 14.440,3 m², diện tích phần xây dựng mở rộng 997 m², cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
A	Tại khu vực xây dựng mới	997	100
1	Đất xây dựng công trình	399	40
2	Đất giao thông	418	41,9
3	Đất cây xanh, cảnh quan	180	18,1
B	Tại khu vực hiện trạng	14.440,3	100
1	Đất xây dựng công trình	7.323,5	50,8
2	Đất giao thông	3.681,5	25,5
3	Đất cây xanh, cảnh quan	3.435,3	23,7

1.2.5. Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: diện tích 16.903 m², cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	7.606	45
2	Đất giao thông	6.680	39,5
3	Đất cây xanh, cảnh quan	2.617	15,5
Tổng cộng		16.903	100

1.3. Các hạng mục công trình của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: Xây dựng mới các hạng mục: Khu khám - Xét nghiệm - Phẫu thuật - Điều trị - Hành chính quy mô nhà 07 tầng, với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 7.830 m²; Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm và phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe quy mô 03 tầng, với tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.360 m².

- Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: Xây dựng mới nhà làm việc (03 tầng) của Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe có diện tích

xây dựng là 577 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.370 m²; Xây dựng mới nhà làm việc Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (02 tầng) có diện tích xây dựng là 458,33 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 816 m²; Xây dựng mới Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản (04 tầng) có diện tích xây dựng là 804,37 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 2.680 m².

- Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: Xây mới các hạng mục: Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc (02 tầng) diện tích khoảng 1.429 m²; Khoa Nội (04 tầng) diện tích khoảng 2.600 m².

- Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: Xây dựng mới các hạng mục trên khu đất mới của Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm và phòng Dân số: xây dựng nhà làm việc 4 tầng với diện tích xây dựng là 335 m² và tổng diện tích sàn là 1.224 m².

- Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: Xây dựng mới các hạng mục trên khu đất mới: Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa truyền nhiễm, Khoa Dược, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, nhà tang lễ, bể nước ngầm, trạm xử lý nước thải, nhà để xe... Diện tích khu đất mới khoảng 8.341 m². Xây dựng mới các hạng mục trên khu đất hiện trạng: của Khu khám và điều trị, nhà đặt hệ thống khí y tế, nhà để xe ... Diện tích khu đất mới khoảng 8.562 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a) Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước:

- Cải tạo, sửa chữa tường rào, cổng ngõ, sân vườn;
- Xây dựng mới bể nước ngầm PCCC, nhà đặt máy bơm;
- Xây dựng mới trạm biến áp.

b) Trung tâm Y tế huyện Phù Cát:

- Cải tạo, sửa chữa, mở rộng Khoa Y học cổ truyền, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

- Cải tạo, sửa chữa Khoa Nội trung cao cũ;
- Cải tạo, sửa chữa Khoa Khám bệnh - Hành chính;
- Cải tạo, sửa chữa Khoa Xét nghiệm;
- Xây dựng mới tường rào, cổng ngõ - nhà bảo vệ;
- Xây dựng mới nhà để xe bệnh nhân;
- Xây dựng mới nhà để xe nhân viên - xe cứu thương;
- Bể nước ngầm bổ sung.

c) Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn:

- Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc khoa Khám bệnh - Hành chính;
- Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức;

- Sửa chữa, cải tạo Nhà điều trị khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc thành khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng;

- Sửa chữa, cải tạo nhà điều trị khoa Nội thành khoa Truyền nhiễm (khu điều trị bệnh nhân nhóm B);

- Xây dựng mới tường rào, cổng ngõ, đường cho xe chữa cháy;

- Xây dựng mới nhà để xe ô tô công vụ;

- Xây dựng mới bể nước ngầm và nhà đặt máy bơm chữa cháy;

- Xây dựng mới trạm biến áp 400 kVA.

d) Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân:

- Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân (khu vực xây dựng mới):

- + Bể nước cứu hỏa, nước sinh hoạt, nhà đặt máy bơm;

- + Tường rào, cổng ngõ;

- + Sân bê tông, giăng bồn hoa.

- Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân (khu vực hiện trạng):

- + Sửa chữa, cải tạo, nâng tầng Khoa Hồi sức cấp cứu - Hành chính thành Khoa Hồi sức cấp cứu - Nhi - Hành chính;

- + Sửa chữa, cải tạo Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- + Sửa chữa, cải tạo Khoa Nhi - Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng thành Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;

- + Sửa chữa, cải tạo Khoa Nội tổng hợp;

- + Bể nước cứu hỏa, nước sinh hoạt, nhà đặt máy bơm.

e) Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn:

- Xây dựng mới nhà tang lễ;

- Xây dựng mới nhà bảo vệ;

- Xây dựng mới nhà đặt hệ thống khí y tế trung tâm;

- Xây dựng mới bể nước ngầm - nhà đặt máy bơm;

- Xây dựng mới tường rào, cổng ngõ.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a) Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước:

- Bố trí lại hệ thống thu gom nước mưa, nước thải bên trong các khu nhà tiến hành sửa chữa, cải tạo.

- Giữ nguyên hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

- Giữ nguyên nhà chứa chất thải rắn thông thường diện tích 40 m² và nhà

chứa chất thải rắn nguy hại diện tích 21 m² tại phía Đông Nam.

b) Trung tâm Y tế huyện Phù Cát:

- Bố trí lại hệ thống thu gom nước mưa, nước thải bên trong các khu nhà tiến hành sửa chữa, cải tạo.

- Hệ thống thu gom nước thải đi riêng với hệ thống thu gom nước mưa đối với các khu nhà xây dựng mới sau đó nhập vào hệ thống chung của trung tâm.

- Giữ nguyên hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

- Giữ nguyên nhà chứa chất thải rắn diện tích 48 m² tại phía Đông Bắc.

c) Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn:

- Bố trí lại hệ thống thu gom nước mưa, nước thải bên trong các khu nhà tiến hành sửa chữa, cải tạo.

- Hệ thống thu gom nước thải đi riêng với hệ thống thu gom nước mưa đối với các khu nhà xây dựng mới sau đó nhập vào hệ thống chung của trung tâm.

- Giữ nguyên hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

- Giữ nguyên nhà chứa chất thải rắn diện tích 52 m² tại phía Đông Nam.

d) Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân

- Trung tâm y tế huyện Hoài Ân (khu vực hiện trạng)

+ Bố trí lại hệ thống thu gom nước mưa, nước thải bên trong các khu nhà tiến hành sửa chữa, cải tạo.

+ Giữ nguyên hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

+ Giữ nguyên nhà chứa chất thải rắn diện tích 20 m² tại phía Tây Bắc.

- Trung tâm y tế huyện Hoài Ân (khu vực xây dựng mới):

+ Hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 5 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

+ Xây dựng nhà tập kết chất thải y tế có diện tích khoảng 10 m² đặt cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung phía Đông.

e) Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn:

- Bố trí lại hệ thống thu gom nước mưa, nước thải bên trong khu nhà tiến hành sửa chữa, cải tạo.

- Hệ thống thu gom nước thải đi riêng với hệ thống thu gom nước mưa đối với các khu nhà xây dựng mới sau đó nhập vào hệ thống chung của trung tâm.

- Giữ nguyên hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

- Giữ nguyên nhà chứa chất thải rắn diện tích 56 m² tại phía Tây khu điều trị bệnh nhân hiện trạng.

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác vật liệu san nền (đất đắp).

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng (do chính quyền địa phương thực hiện theo đúng quy định pháp luật).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 2.595,4 m².

- Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân khu vực xây dựng mới có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 997 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: phát sinh nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công; chất thải từ quá trình hoạt động của các Trung tâm Y tế.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành: bụi, khí thải từ hoạt động giao thông, khu lưu giữ rác thải, từ hệ thống xử lý nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Thành phần chủ yếu là hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,... với lưu lượng phát sinh như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 1,8 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 1,08 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 0,9 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 1,6 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 1,6 m³/ngày.

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh: Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị, với lưu lượng phát sinh như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 1,44 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 1,4 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 1,4 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 1,6 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 1,6 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động khám, chữa bệnh, hoạt động lưu trú của bệnh nhân,... Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,... với lưu lượng phát sinh như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế Tuy Phước: khoảng 78,2 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 42,2 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 76,6 m³/ngày.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: tại Trung tâm Y tế hiện trạng khoảng 38,0 m³/ngày.đêm; tại khu vực xây dựng mở rộng khoảng 2,9 m³/ngày.đêm.

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 54,2 m³/ngày.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải từ các phương tiện tham gia giao thông. Thành phần chủ yếu là NO₂, C_xH_y, CO, CO₂, VOC,...

- Mùi hôi từ khu vực tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu là NH₃, H₂S, CH₄,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu thành phần chủ yếu là xà bần, sắt, thép với khối lượng như sau:

- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 680 m³;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 334 m³;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 204 m³;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 102 m³;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn: khoảng 58 m³.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình với khối lượng như sau:

- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 6,4 - 10,7 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 3,0 - 5,0 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 3,5 - 5,9 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 4,6 - 7,7 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 2,5 - 4,2 kg/ngày.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường với khối lượng như sau:

- + Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 217 m³;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 209 m³;

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với khối lượng như sau:

- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 27 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 20 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 13 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 20 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 32 kg/ngày;

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải y tế thông thường bao gồm chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người, chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm; được phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải với khối lượng phát sinh như sau:

- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 151 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 84 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 204 kg/ngày;
- + Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 595 kg/ngày;

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 233 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, bao bì đựng hóa chất ... với khối lượng phát sinh như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 84 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 47 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 27 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 77 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 92 kg/năm.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại lây nhiễm bao gồm: Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) với khối lượng như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 16.214 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 17.978 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 26.569 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 11.891 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 11.947 kg/năm.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm bao gồm: Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải; chất hàn răng amalgam thải; thiết bị y tế vỡ, hỏng đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng; bóng đèn huỳnh quang hỏng và các vật liệu có chì thải bỏ... với khối lượng như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: khoảng 642 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: khoảng 909 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: khoảng 1.029 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: khoảng 575 kg/năm;

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: khoảng 111 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, bệnh nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố rò rỉ nước, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động,...

- Hoạt động khai thác nước dưới đất có khả năng gây sụt lún nền đất, suy giảm lưu lượng, chất lượng nước ngầm.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh hiện có của từng trung tâm y tế. Riêng đối với khu vực xây dựng mới tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân và Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: đối với các khu vực chỉ tiến hành sửa chữa, cải tạo sẽ sử dụng hệ thống thu gom nước mưa ngoài nhà hiện có của từng trung tâm y tế. Đối với các khu vực xây dựng mới và mở rộng: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các mương thoát nước tạm thời, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng trong quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, cụ thể:

+ Đối với các khu vực cải tạo, sửa chữa, nâng cấp: bố trí lại hệ thống thu nước mưa bên trong nhà, nước mưa chảy tràn; nước mưa được thu gom qua các rãnh, cống thu gom nước mưa hiện trạng sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Tại khu vực xây dựng mới của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: nước mưa được thu gom bằng đường ống UPVC D400, sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

+ Tại khu vực xây dựng mở rộng của Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: nước mưa được thu gom bằng cống BTCT D600 dọc các tuyến đường nội bộ, sau đó thoát ra hố ga đấu nối phía Tây Bắc trên đường Phạm Sư Mạnh.

b) Nước thải sinh hoạt:

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước: toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất 100 m³/ngày đêm, sau đó xả thải ra sông Đục.

Quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn chặn rác → Bể phối trộn → Bể phản ứng → Bể lắng 1 → Thiết bị lọc sinh học hiếu khí (3 bậc) → Thiết bị lọc cơ học → Bể khử trùng → Hồ ga thoát nước → Nước thải đầu ra (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát: toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất 120 m³/ngày đêm, sau đó xả thải ra cống thoát nước khu vực.

Quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn chặn rác → Bể thu gom → Bể keo tụ → Bể lắng 1 → Thiết bị lọc sinh học hiếu khí (3 bậc) → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hồ ga thoát nước → Nước thải đầu ra (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn: toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất 150 m³/ngày đêm, sau đó xả thải ra cống thoát nước khu vực.

Quy trình xử lý: Nước thải → Hồ ga tách rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng đứng 1 → Bể lắng đứng 2 → Bể khử trùng → Bể chứa trung gian → Hồ ga thoát nước → Nước thải đầu ra (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân (khu vực hiện trạng): toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất 100 m³/ngày đêm sau đó xả thải ra sông Kim Sơn.

Quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn chặn rác → Bể phối trộn → Bể phản ứng → Bể lắng 1 → Thiết bị lọc sinh học hiếu khí (3 bậc) → Thiết bị lọc cơ học → Bể khử trùng → Hồ ga thoát nước → Nước thải đầu ra (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân (khu vực xây mới): toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hợp khối dạng bồn composite công suất 5 m³/ngày đêm, sau đó xả thải ra cống thoát nước khu vực.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể lắng cặn và chứa bùn → Bể lọc thiếu khí → Bể MBBR 01 → Bể MBBR 02 → Bể lắng → Bể lọc hạt mang → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

- Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn: toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải hiện trạng công suất 100 m³/ngày đêm, sau đó xả thải ra cống thoát nước khu vực.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B).

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Sử dụng các lưới chắn xung quanh các khu nhà tiến hành sửa chữa, cải tạo để giảm thiểu bụi đến các hoạt động khám chữa bệnh của cán bộ, nhân viên y tế và hoạt động lưu trú của bệnh nhân.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng với tần suất 2 lần/ngày.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Tại khu vực tập kết tạm rác thải, các thùng chứa rác thải sẽ được vệ sinh và phun khử mùi định kỳ hàng ngày.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát và Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn (khu vực xây mới) được tận dụng đổ tại diện tích cây xanh tại khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước, Trung tâm Y tế huyện Phù Cát, Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn được tận dụng san nền tại các khu vực xây dựng mở rộng, xây mới.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn được phân loại và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn

thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Rác thải tại từng Trung tâm Y tế sẽ được thu gom, phân loại lưu chứa trong các thùng rác có nắp đậy và đưa về nhà tập kết rác thải hiện có để đơn vị chức năng đến thu gom xử lý theo quy định.

- Đối với khu vực xây dựng mới của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân sẽ được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các thùng rác có nắp đậy và đưa về khu vực kết rác thải diện tích 5 m² để đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định với tần suất thu gom 2 lần/tuần.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được hút định kỳ và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

b) Giai đoạn hoạt động

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại từng Trung tâm Y tế được thu gom, phân loại, đưa về nhà tập kết rác thải hiện có, lưu chứa trong các thùng có nắp đậy dung tích 240 lít màu vàng theo đúng quy định.

- Đối với khu vực xây dựng mới của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân: được thu gom, phân loại đưa về nhà tập kết rác thải diện tích 5 m², lưu chứa trong các thùng rác có nắp đậy dung tích 50 lít màu vàng theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định và định kỳ báo cáo về cơ quan chức năng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định với tần suất như sau:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước thu gom hàng ngày đối với chất thải nguy hại lây nhiễm và tần suất thu gom 2 lần/năm đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát thu gom hàng ngày đối với chất thải nguy hại lây nhiễm và tần suất thu gom 2 lần/năm đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn thu gom hàng ngày đối với chất thải

nguy hại lây nhiễm và tần suất thu gom 2 lần/năm đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân thu gom 3 lần/tuần đối với chất thải nguy hại lây nhiễm và tần suất thu gom 2 lần/năm đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn thu gom 4 lần/tuần đối với chất thải nguy hại lây nhiễm và tần suất thu gom 2 lần/năm đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước:

+ Khu vực cổng ra vào Trung tâm Y tế (KK1) (Tọa độ: 1.528.679; 597.193);

+ Khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Tây Trung tâm Y tế (KK2) (Tọa độ: 1.528.646; 597.113).

- Vị trí giám sát tại Trung tâm Y tế huyện Phù Cát:

Khu dân cư phía Đông Trung tâm Y tế (KK1) (Tọa độ: 1.549.236; 587.236).

- Vị trí giám sát tại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn:

+ Khu vực công chính Trung tâm Y tế (KK1) (Tọa độ: 1.538.145; 72.835);

+ Khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Bắc Trung tâm Y tế (KK2) (Tọa độ: 1.538.480; 572.598).

- Vị trí giám sát tại Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân:

+ Khu dân cư phía Đông Trung tâm Y tế hiện trạng (KK1) (Tọa độ: 1.590.335; 577.480);

+ Vị trí tiếp giáp với đường bê tông xi măng hiện trạng phía Tây Trung tâm Y tế tại khu đất xây dựng mới (KK2) (Tọa độ: 1.590.261; 577.827).

- Vị trí giám sát tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn:

+ Khu vực tiếp giáp với trường THPT Tam Quan (KK1) (Tọa độ: 1.610.034; 585.761);

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Đông Trung tâm Y tế (KK2) (Tọa độ: 1.522.285; 604.094).

- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giai đoạn vận hành.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.